aCert
European Organization for Certification

MÔ TẢ KẾ HOẠCH HỆ THỐNG HỮU CƠ RONG BIỂN VÀ TẢO (OSP) & Kiểm soát

Tên người vận hành						**Được điền bởi nhân viên A CERT**	
Mã của nhà điều hành *(Không áp dụng cho lần gửi đầu tiên)*						Tên người chứng nhận	Mã số
số thuế GTGT						Ngày đánh giá:	
Tên họ	Chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật					Ngày xác minh:	
Người quản lý chất lượng/người được ủy quyền có mặt trong quá trình kiểm tra				☐**Ông** ☐**bà.**		Tên thanh tra	Mã số
Tên		Họ		Điện thoại			
số ID		e-mail				Ngày kiểm tra:	

Phạm vi chứng nhận hữu cơ cho	☐**Nuôi trồng tảo**	☐**Trồng rong biển**	**Đơn vị xử lý/xử lý nội bộ**	**Hướng dẫn dành cho nhân viên A CERT**
	☐**Thu hoạch tảo tự nhiên**	☐**Thu hoạch rong biển hoang dã**	☐Có, ở cùng một vị trí ☐Có, nhưng ở vị trí khác ☐Không, sản phẩm được bán cho nhà khai thác khác	**ER:** Kết quả đánh giá, do nhân viên Chứng nhận đánh giá Kế hoạch Hệ thống Hữu cơ điền vào . **AR:** Kết quả xác minh hoặc kết quả đánh giá thanh tra, do thanh tra viên điền. **Kết quả có thể:** **C:** Tuân thủ; **NC:** Không tuân thủ/không phù hợp; **NA:** Không áp dụng. Trong quá trình kiểm tra, khi xác định được NC phải điền vào phiếu không phù hợp.
Bạn được yêu cầu mô tả chi tiết các hoạt động của mình. Bắt buộc phải cập nhật OSP của bạn! Vui lòng gửi bản cập nhật hàng năm và bất kỳ lúc nào về mô tả của đơn vị, hoạt động hoặc biện pháp kiểm soát diễn ra trong năm sản xuất.				
Loại bài nộp	☐**Ban đầu**	☐**Hàng năm**	☐**Cập nhật**	

						Được điền bởi nhân viên A CERT		
1	**Thông tin chung**					**phòng cấp cứu**	**AR**	**Ghi chú**
1.1	Tổng số cơ sở vật chất							
1.2	quản lý chất lượng được duy trì bởi công ty							
	☐ GlobalG.AP	☐ TĂNG DẦN	☐BAP	☐ ISO 1400 1				
	☐ ISO 9001	☐ISO 22000	☐ ISO FSSC 22000	☐ Other				
1.3	Sản xuất	☐chỉ sản phẩm hữu cơ	☐hữu cơ và phi hữu cơ giống nhau	☐hữu cơ và phi hữu cơ khác nhau				
	Nếu khác, hãy liệt kê các sản phẩm phi hữu cơ							
1.4	Đào tạo về Hữu cơ diễn ra hàng năm	☐2 năm, ☐năm, ☐6 tháng, ☐ Other						
1,5	Nhân viên được đào tạo hữu cơ	☐Tất cả, ☐Người đại diện theo pháp luật, ☐Người quản lý chất lượng, ☐Nhân viên xử lý, ☐Nhân viên vệ sinh						

1.6	Sử dụng các sản phẩm GMO	☐Có ☐không	Phá rừng ngập mặn	☐Có ☐không	Sử dụng bức xạ ion hóa	☐Có ☐không			Điều 11; Điều 5(iii) của quy định 2018/848 Phần III 1.4

2	**Cơ sở vật chất & Trang thiết bị**					**Được điền bởi nhân viên A CERT**		
2.1	**Các đơn vị do công ty quản lý, (cả vị trí hữu cơ và phi hữu cơ phải được mô tả bên dưới)**					**phòng cấp cứu**	**AR**	**Ghi chú**
	Tên hoặc mã định danh đơn vị	**Địa chỉ đơn vị** *(Bao gồm vĩ độ và kinh độ)*	**Loại đơn vị**	**Giống loài**	**Được dùng cho**			
MỘT		Address Latitude Longitude Online maps link	☐Sự quản lý văn phòng,☐ Kho,☐ Other ☐ **Địa điểm sản xuất** : ☐trên cạn, ☐nước ngọt, ☐nước lợ, ☐ Other ☒Lắp đặt trên đất liền/ ☐biển/ bờ☐		☐Hữu cơ ☐Phi hữu cơ ☐Cả hai			
B		Address Latitude Longitude Online maps link	☐Sự quản lý văn phòng,☐ Kho,☐ Other ☐ **Địa điểm sản xuất** : ☐trên cạn, ☐nước ngọt, ☐nước lợ, ☐ Other ☐Lắp đặt trên đất liền/ ☐biển/ bờ☐		☐Hữu cơ ☐Phi hữu cơ ☐Cả hai			
C		Address Latitude Longitude Online maps link	☐Sự quản lý văn phòng,☐ Kho,☐ Other ☐ **Địa điểm sản xuất** : ☐trên cạn, ☐nước ngọt, ☐nước lợ, ☐ Other ☐Lắp đặt trên đất liền/ ☐biển/ bờ☐		☐Hữu cơ ☐Phi hữu cơ ☐Cả hai			
d		Address Latitude Longitude Online maps link	☐Sự quản lý văn phòng,☐ Kho,☐ Other ☐ **Địa điểm sản xuất** : ☐trên cạn, ☐nước ngọt, ☐nước lợ, ☐ Other ☐Lắp đặt trên đất liền/ ☐biển/ bờ☐		☐Hữu cơ ☐Phi hữu cơ ☐Cả hai			
2.2	**Các cơ sở sản xuất có nằm ở những địa điểm có thể bị ô nhiễm bởi các sản phẩm hoặc chất không được phép sản xuất hữu cơ hoặc các chất gây ô nhiễm có chứa bản chất hữu cơ của sản phẩm không?** *(cung cấp thêm lời giải thích bên dưới)*				☐Có ☐không			Phần III 1.1 và 1.2 của quy định 2018/848 Điều 15.1&2 Quy chế ủy quyền 2021/1698
	Giải trình:							
2.3	Nguồn nước			Chất lượng nước có được phân tích không?	☐Có ☐không			Phần III 1.2 của quy định 2018/848
2.4	Tỷ lệ nguồn năng lượng tái tạo *(Gió, mặt trời, địa nhiệt, sóng, thủy triều, thủy điện, khí bãi rác, khí sinh học và khí nhà máy xử lý nước thải)*	**Type%**		Loại nguồn năng lượng:				
2.5	**Loại cơ sở hữu cơ nào được yêu cầu có thể áp dụng được?**			**Cơ sở áp dụng (AF)**				
	a. ☐ địa điểm thu hoạch rong biển							
	b. ☐ địa điểm thu hoạch vi tảo							
	c. ☐ đơn vị trồng rong biển và/hoặc vi tảo mới							
	Nếu chọn "c", khoảng thời gian (tính theo ngày) của một chu kỳ							

	sản xuất đầy đủ là bao nhiêu?					
2.6	**Các biện pháp phân tách hữu cơ và phi hữu cơ dựa trên** *(Chỉ áp dụng cho hoạt động có cả đơn vị sản xuất hữu cơ và phi hữu cơ)*		☐ **Áp dụng/ ☐Không áp dụng**			
	☐tình hình tự nhiên	Giải thích thêm:				
	☐hệ thống phân phối nước riêng biệt	Giải thích thêm:				
	☐khoảng cách	Giải thích thêm:				
	☐dòng thủy triều	Giải thích thêm:				
	☐vị trí thượng nguồn và hạ lưu của sản xuất hữu cơ	Giải thích thêm:				
	☐ Other	Giải thích thêm:				

3	**Kế hoạch quản lý bền vững,**				**phòng cấp cứu**	**AR**	**Ghi chú**
3.1	Kèm theo kế hoạch quản lý bền vững tương ứng với đơn vị sản xuất. *(Nội dung đánh giá môi trường căn cứ vào Phụ lục IV của Chỉ thị 85/337/EEC của Hội đồng)*	☐Có ☐không	Ngày phát hành trước đó				Phần III 1.5 & 1.9 của quy định 2018/848
			Ngày phát hành mới nhất				
3.2	Các kế hoạch quản lý bền vững được cập nhật hàng năm	☐Có ☐không					Phần III 1.6 của quy định 2018/848
3.3	**Chi tiết kế hoạch quản lý bền vững:**						
Một	Các tác động môi trường của hoạt động			☐Có ☐không			Phần III 1.5 & 1.6 của quy định 2018/848
b	việc giám sát môi trường sẽ được thực hiện			☐Có ☐không			Phần III 1.5 & 1.6 của quy định 2018/848
c	và liệt kê các biện pháp cần thực hiện để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường dưới nước và trên cạn xung quanh, bao gồm, nếu có, xả chất dinh dưỡng vào môi trường theo chu kỳ sản xuất hoặc mỗi năm.			☐Có ☐không			Phần III 1.5 & 1.6 của quy định 2018/848
d	giám sát và sửa chữa các thiết bị kỹ thuật			☐Có ☐không			Phần III 1.6 của quy định 2018/848
e	một lịch trình giảm thiểu chất thải sẽ được đưa ra khi bắt đầu hoạt động			☐Có ☐không			Phần III 1.9 của quy định 2018/848
f	đánh giá môi trường (đối với ứng dụng mới và nhà khai thác sản xuất trên 20 tấn sản phẩm nuôi trồng thủy sản)			☐Có ☐không			Phần III 1.3 của quy định 2018/848
3,4	Hoạt động ưu tiên sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo và tái chế vật liệu (chi tiết trong kế hoạch quản lý bền vững)			☐Có, ☐Không, ☐NA			Phần III 1.9 của quy định 2018/848
3,5	việc sử dụng nhiệt dư sẽ được giới hạn ở năng lượng từ các nguồn tái tạo			☐Có, ☐Không, ☐NA			Phần III 1.9 của quy định 2018/848
3.6	Đối với việc thu hoạch rong biển, ước tính sinh khối một lần được thực hiện ngay từ đầu			☐Có, ☐Không, ☐NA			Phần III 1.9 của quy định 2018/848

4	**Thu hoạch bền vững tảo hoang dã (rong biển và vi tảo),**	☐ **Áp dụng/ ☐Không áp dụng**	**phòng cấp cứu**	**AR**	**Ghi chú**
4.1	<u>Sự phù hợp của khu vực thu gom dựa trên khung dưới đây:</u> *các khu vực trồng trọt có chất lượng sinh thái cao theo quy định của Chỉ thị 2000/60/EC của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 23 tháng 10 năm 2000, thiết lập khuôn khổ hành động của Cộng đồng trong lĩnh vực chính sách nước; và, trong khi chờ thực hiện, chất lượng tương đương với các vùng nước được chỉ định theo Chỉ thị 2006/113/EC của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 12 tháng 12 năm 2006 về chất lượng yêu cầu của nước có vỏ và không phù hợp về mặt sức khoẻ. Trong khi chờ các quy định chi tiết hơn được ban hành*	☐ **Thích hợp** ☐**Không hợp**			Phần III 2.2.(a); 2.4 theo quy định 2018/848

	trong quá trình thực thi pháp luật, rong biển hoang dã ăn được sẽ không được thu hái ở những khu vực không đáp ứng tiêu chí dành cho khu vực Loại A hoặc Loại B như được xác định trong Phụ lục II của Quy định (EC) số 854/2004 của Hiệp hội Châu Âu. Nghị viện và Hội đồng ngày 29 tháng 4 năm 2004 đặt ra các quy tắc cụ thể cho việc tổ chức kiểm soát chính thức đối với các sản phẩm có nguồn gốc động vật dùng làm thực phẩm cho con người				
4.2	Việc thu hái có ảnh hưởng đến sự ổn định lâu dài của môi trường sống tự nhiên hoặc việc duy trì các loài trong khu vực thu hái không?	☐Có ☐không			Phần III quy định 2.2 & 2.4 2018/848
4.3	Các tài khoản chứng từ có được duy trì trong đơn vị hoặc cơ sở có cho phép người vận hành xác định và CERT để xác minh rằng người thu hoạch chỉ cung cấp tảo hoang dã được sản xuất theo Quy định 2018/848? *(thông tin tối thiểu: ngày, giờ, sản phẩm, trọng lượng (kg hoặc tấn), địa điểm thu hoạch, tọa độ, số lô)*	☐Có ☐không			Phần III 1.11 của quy định 2018/848
4.4	Việc thu hoạch có được thực hiện sao cho số lượng thu hoạch không gây ra tác động đáng kể đến tình trạng môi trường nước không? *(ghi số lượng tối đa có thể khai thác mà không gây tác động đáng kể đến hiện trạng môi trường nước **trong kế hoạch quản lý bền vững**)*	☐Có ☐không			Phần III 1.5 & 2.2.(a) & 3.1.6.9 của quy định 2018/848
4,5	Phải thực hiện các biện pháp để đảm bảo rong biển có thể tái sinh, như kỹ thuật thu hoạch, kích thước tối thiểu, độ tuổi, chu kỳ sinh sản hoặc kích thước của rong biển còn lại. (*các thông tin liên quan sẽ được nêu chi tiết **trong kế hoạch quản lý bền vững***)	☐Có ☐không			Phần III 3.1.5 & 3.1.6 của quy định 2018/848
4.6	**khu vực thu hoạch chung hoặc chung** , bằng chứng tài liệu có giải thích và giám sát rằng tổng lượng thu hoạch tuân thủ Tiêu chuẩn này không?	☐Có ☐không			Phần III 1.11 của quy định 2018/848
4,7	Các hồ sơ bắt buộc có cung cấp bằng chứng về quản lý bền vững và không có tác động lâu dài đến các khu vực thu hoạch không? (Hồ sơ bắt buộc: Ước tính thu hoạch (khối lượng) mỗi vụ; Sản lượng bền vững hàng năm cho mỗi luống.)	☐Có ☐không			Phần III 1.11 của quy định 2018/848
4,8	Thông tin khác:				

5	**(Các) Biểu đồ dòng sản phẩm**				**Được điền bởi nhân viên A CERT**		
Có/ không	**Mã sơ đồ nội bộ** *(nếu có)*	**Các sản phẩm từ rong biển hoặc tảo**	**Đính kèm**	**Được dùng cho**	**phòng cấp cứu**	**AR**	**Ghi chú**
1			☐Có ☐không	☐Hữu cơ ☐Phi hữu cơ			
2			☐Có ☐không	☐Hữu cơ ☐Phi hữu cơ			
3			☐Có ☐không	☐Hữu cơ ☐Phi hữu cơ			

6	**Các nhà cung cấp**		☐Áp dụng/ ☐Không áp dụng	**Được điền bởi nhân viên A CERT**		
Có/ không	**tên đệm**	**Nhà cung cấp**	**Giấy chứng nhận hữu cơ**	**phòng cấp cứu**	**AR**	**Ghi chú**
1			☐Có ☐không			
2			☐Có ☐không			
3			☐Có ☐không			

7	**Chi tiết sản xuất rong biển và tảo**	**Để được lấp đầy bởi Nhân viên CERT**

Có/ không	Tên rong biển/tảo	*Tên khoa học*	mã CN *(8 chữ số)*	Năm	Cơ sở sản xuất *(AF)*	Bắt đầu hàng năm (tấn)	Bổ sung		Xóa		Sản lượng ước tính hàng năm (tấn)	Thời kỳ sản xuất	phòng cấp cứu	AR	Ghi chú
							Mua hàng (tấn)	Tự sản xuất (tấn)	Thu hoạch/thu gom (tấn)	chất thải/khác (tấn)					
1				Năm nay											
				Năm trước											
2				Năm nay											
				Năm trước											

số 8	Canh tác	☐ Áp dụng/ ☐Không áp dụng	phòng cấp cứu	AR	Ghi chú
b.1	Mật độ nuôi hoặc cường độ hoạt động phải được ghi lại và phải duy trì tính toàn vẹn của môi trường nước bằng cách đảm bảo rằng không vượt quá số lượng rong biển tối đa có thể được hỗ trợ mà không có tác động tiêu cực đến môi trường.	☐Có ☐không			Phần III 2.3 & 3.1.5.3 của quy định 2018/848
	Cung cấp phần giải thích bên dưới về cách đáp ứng yêu cầu trên.				
8.2	Hoạt động này có tái sử dụng hoặc tái chế, nếu có thể, dây thừng và các thiết bị khác dùng để trồng rong biển không?	☐Có ☐không			Phần III 2.3.4 của quy định 2018/848
	Cung cấp thêm lời giải thích:				
8.3	**Áp dụng cho các hoạt động nuôi trồng rong biển diễn ra ở vùng ven biển.**	☐ Áp dụng /☐ Không áp dụng			
MỘT	Hoạt động có áp dụng các biện pháp thực hành bền vững được sử dụng trong tất cả các giai đoạn sản xuất, từ thu hái rong biển non đến thu hoạch không?	☐Có ☐không			Phần III 2.2.2 (a) quy định 2018/848
	Giải thích thêm:				
B	Hoạt động này đảm bảo duy trì nguồn gen rộng, việc thu hái rong biển non trong tự nhiên phải diễn ra thường xuyên để bổ sung nguồn giống nuôi trong nhà.	☐Có ☐không			Phần III 2.2.2 (b) của quy định 2018/848
	Giải thích thêm:				
8,4	Không được sử dụng phân bón ngoại trừ các cơ sở trong nhà và chỉ khi chúng đã được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ và đặc biệt chỉ được liệt kê?	☐Có, ☐Không, ☐NA			Phần III 2.2.2 (c) điều 24 quy định 2018/848
	Giải thích việc sử dụng phân bón:				

Tên sản phẩm thương mại	Hoạt chất	liều lượng	Link website của phân bón

	Chỉ áp dụng đối với hoạt động nuôi rong biển trên biển	☐ Áp dụng /☐ Không áp dụng			
8,5	Hoạt động sử dụng các chất dinh dưỡng có trong tự nhiên trong môi trường, HOẶC	☐Có ☐không			Phần III 2.3.1 của quy định 2018/848
	Hoạt động này sử dụng chất dinh dưỡng từ hoạt động nuôi trồng thủy sản hữu cơ, tốt nhất là nằm gần đó như một phần của hệ thống nuôi ghép.	☐Có ☐không			Phần III 2.3.1 của quy định 2018/848
	Chỉ áp dụng ở các cơ sở trên đất liền sử dụng nguồn dinh dưỡng bên ngoài	☐ Áp dụng /☐ Không áp dụng			
8,6	Hoạt động có thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo rằng hàm lượng chất dinh dưỡng trong nước thải có thể kiểm chứng bằng hoặc thấp hơn so với nước chảy vào không?	☐Có ☐không			Phần III 2.3.2 của quy định 2018/848
	Nếu có, biện pháp nào?				
	Hoạt động này có sử dụng chất dinh dưỡng có nguồn gốc thực vật hoặc khoáng chất như đã liệt kê không?	☐Có ☐không (nếu có hãy điền vào bảng bên dưới)			Phần III 2.3.2 của quy định 2018/848

	Tên sản phẩm thương mại	**Hoạt chất**	**liều lượng**	**Link website của phân bón**			
							Điều 24 quy định 2018/848

8,7	Chuẩn bị sản phẩm chưa qua chế biến	☐Có ☐không			Phần III 1.10 của quy định 2018/848

9	**Biện pháp chống bám bẩn và vệ sinh thiết bị, cơ sở sản xuất**		**phòng cấp cứu**	**AR**	**Ghi chú**
9.1	*Các sinh vật gây ô nhiễm sinh học chỉ được loại bỏ bằng phương tiện vật lý hoặc bằng tay và khi thích hợp sẽ được thả trở lại biển ở khoảng cách xa trang trại*	☐Có ☐không Cung cấp dưới đây các biện pháp chi tiết			Phần III 3.4.1 (e) của quy định 2018/848
9,2	Việc làm sạch thiết bị và phương tiện có được thực hiện bằng các biện pháp vật lý hoặc cơ học hay không.	☐Có ☐không			Phần III 3.4.1 (e) của quy định 2018/848
9,3	Khi việc vệ sinh không đạt yêu cầu, công ty chỉ sử dụng các chất được liệt kê?	☐Có ☐không			Phần III 3.4.1 (f) của quy định 2018/848

	Tên sản phẩm thương mại	**Hoạt chất**	**Link website của sản phẩm**			
						Điều 24 quy định 2018/848

10	**Hoạt động thầu phụ** ☐ Áp dụng/ ☐Không áp dụng		**phòng cấp cứu**	**AR**	**Ghi chú**
10.1	Có hoạt động nào được thực hiện **bởi các công ty bên thứ ba không?**	☐Có ☐không			Điều 34.3 & 34.5 của quy định 2018/848
10.2	Các hợp đồng với nhà thầu phụ có nêu rõ các hoạt động thầu phụ cụ thể và các điều khoản hướng tới quy định 2018/848 về các dịch vụ được áp dụng có sẵn và kèm theo không?	☐Có ☐không			Điều 34.3 & 34.5 của quy định 2018/848
	Các nhà thầu phụ có được Cơ quan Kiểm soát tương đương chứng nhận không?	☐Có ☐không			Điều 34.3 & 34.5 của quy định 2018/848

	Nếu có, chứng chỉ của họ có được đính kèm không?					☐Có ☐không			Điều 34.3 & 34.5 của quy định 2018/848
	Nếu không,	Công ty có sẵn sàng đưa các hoạt động này vào hệ thống kiểm soát của nhà điều hành không ? ***(Nộp OSP bổ sung cho các hoạt động do Nhà thầu phụ cung cấp)***				☐Có ☐không			Điều 34.3 & 34.5 của quy định 2018/848
		các hoạt động thầu phụ có được giám sát hoặc giám sát không ?				☐Có ☐không			Điều 34.3 & 34.5 của quy định 2018/848
		việc tuân thủ quy định 2018/848 được giám sát ở tất cả các giai đoạn như thế nào ? (*Yêu cầu tài liệu*)							
		☐ Giám sát	☐ Đào tạo	☐ Lưu trữ hồ sơ	☐ Other				
		Danh sách các nhà thầu phụ ở bảng dưới đây,					-	-	
10.3	**Tên nhà thầu phụ**	**Địa chỉ**	**Cơ quan điều khiển**	**Thời gian áp dụng dịch vụ**	**Sản phẩm liên quan**	**Hoạt động**	-	-	-
			YY-BIO-XXX			☐Kho ☐ Other			
10,4	Có hoạt động hợp đồng phụ nào được cung cấp **cho các nhà khai thác hữu cơ khác không** ?					☐Có ☐không			Điều 34.3 & 34.5 của quy định 2018/848
10,5	Nếu có,	không ?				☐Có ☐không			
		Các hợp đồng với nhà điều hành có nêu rõ các hoạt động thầu phụ cụ thể của các dịch vụ được áp dụng có sẵn và kèm theo không?				☐Có ☐không			
		danh sách các nhà khai thác nhận dịch vụ thầu phụ của công ty ở bảng dưới đây,					-	-	
10.6	**Tên nhà điều hành**	**Địa chỉ**	**Cơ quan điều khiển**	**Thời gian áp dụng dịch vụ**	**Sản phẩm liên quan**	**Hoạt động**	-	-	
			YY-BIO-XXX			☐Kho ☐ Other			

11	**Vận tải**								**phòng cấp cứu**	**AR**	**Ghi chú**
11.1	Sản phẩm được nhà cung cấp vận chuyển			☐Luôn luôn | ☐Không bao giờ | ☐Thỉnh thoảng (*Nếu **thường xuyên** thì bỏ qua câu hỏi 7 .2- 7 . 4 & 7.9*)							(61) điều 23.1; Phụ lục III 1 của quy định 2018/848
11.2	Phương tiện vận chuyển các sản phẩm hữu cơ,										Phụ lục III 3.1.6.6 của quy định 2018/848
	☐Xe nông trại	☐Xe mở	☐xe tải kín	☐Thùng đựng hàng	☐Toa xe lửa	☐Tàu	☐Máy bay	☐ Other			
11.3	Các phương tiện trên có được sử dụng để vận chuyển cây trồng phi hữu cơ không?							☐Có ☐không			Phụ lục III 2 Điều 38.1(c) theo quy định 2018/848
11.4	Các sản phẩm hữu cơ có được vận chuyển cùng với các sản phẩm phi hữu cơ không?							☐Có ☐không			Phụ lục III 2 Điều 38.1(c) theo quy định 2018/848
11,5	Tiếp nhận nguyên liệu hữu cơ tại	☐ Hàng loạt | Túi ☐nhỏ |☐ Túi lớn |☐ Thùng | ☐ Thùng/hộp | ☐Thùng chứa |☐ Other									Phụ lục III 5 của quy định 2018/848
11.6	Phòng thí nghiệm phân tích nguyên liệu thô	☐ Mỗi lô | ☐Mọi nhà cung cấp |☐ Other									
11.7	**Các tài liệu được tổ chức đánh giá về việc chấp nhận các sản phẩm hữu cơ,**										Phụ lục III 5 của quy định 2018/848

	☐Hóa đơn	☐Giấy chứng nhận từ nhà cung cấp	☐Vận đơn/CMR			
	☐ Biên lai/hóa đơn vận chuyển	☐Giấy chứng nhận giao dịch (TC)	☐ Other			
11.8	**Các chỉ dẫn bắt buộc dưới đây có được đưa vào chứng từ thương mại không?**		☐Có ☐không			Phụ lục III 5 của quy định 2018/848
Một.	*tên và địa chỉ của nhà cung cấp*		☐Có ☐không			
b.	*tên của sản phẩm kèm theo tham chiếu đến phương pháp sản xuất hữu cơ*		☐Có ☐không			
c.	*mã số Cơ quan Kiểm soát của nhà cung cấp (YY-BIO-XXX)*		☐Có ☐không			
d.	*nếu có liên quan, số lô*		☐Có ☐không			
đ.	*Thông tin trên có được trình bày trong tài liệu đi kèm có thể được liên kết chắc chắn với bao bì, thùng chứa hoặc phương tiện vận chuyển sản phẩm không?*		☐Có ☐không			
11.9 _	**Các biện pháp phòng ngừa để tránh ô nhiễm ở cấp độ vận chuyển,** *(không áp dụng trong trường hợp nguyên liệu do nhà cung cấp giao)*					
	☐Làm sạch bằng cách lưu giữ hồ sơ	☐ Khoảng cách thời gian	☐ Other			
	Hiệu quả của các biện pháp trên có được theo dõi và ghi lại không?		☐Có ☐không			

12	**Kho** ☐Áp dụng/ ☐Không áp dụng					**phòng cấp cứu**	**AR**	**Ghi chú**
12.1	**Loại đơn vị**	**Bề mặt** (m^2)	**Lưu trữ**	**Sở hữu/Thuê**	**Được dùng cho**			
MỘT			☐Nguyên liệu thô; ☐Đầu vào; ☐sản xuất cuối cùng ☐thiết bị & Vật liệu đóng gói; ☐ Other	☐Sở hữu ☐Đã thuê	☐Hữu cơ ☐Phi hữu cơ			Phụ lục III 7 của quy định 2018/848
B			☐Nguyên liệu thô; ☐Đầu vào; ☐sản xuất cuối cùng ☐thiết bị & Vật liệu đóng gói; ☐ Other	☐Sở hữu ☐Đã thuê	☐Hữu cơ ☐Phi hữu cơ			
C			☐Nguyên liệu thô; ☐Đầu vào; ☐sản xuất cuối cùng ☐thiết bị & Vật liệu đóng gói; ☐ Other	☐Sở hữu ☐Đã thuê	☐Hữu cơ ☐Phi hữu cơ			
12.2	Nguyên liệu thô phi hữu cơ có được bảo quản cùng với nguyên liệu thô hữu cơ không?				☐Có ☐không			Phụ lục III 7 của quy định 2018/848
	Nếu có, các dấu hiệu nhận biết có được đặt trong kho bảo quản để phân tách các nguyên liệu thô hữu cơ không?				☐Có ☐không			Phụ lục III 7 của quy định 2018/848
12.3	Có bất kỳ đầu vào bị cấm nào được lưu trữ cùng với nguyên liệu thô hữu cơ hoặc các chất được phép không?				☐Có ☐không			Phụ lục III 7 của quy định 2018/848
12,4	**Nguy cơ ô nhiễm ,**							
	☐ Kết hợp các sản phẩm phi hữu cơ hoặc đang chuyển đổi		☐ Hỗn hợp các thành phần	☐ Other				Điều 9.5 & 28 của quy định 2018/848
	☐ Ô nhiễm với các chất không được phép		☐Mất khả năng truy xuất nguồn gốc	☐ Other				Điều 9.5 & 28 của quy định 2018/848
12,5	**Các biện pháp phòng ngừa để tránh ô nhiễm ở mức độ bảo quản,**							Điều 9.5 & 28 của quy định 2018/848
	☐Nơi tách biệt		☐ Khoảng cách thời gian	☐ Vệ sinh				
	☐Làm sạch bằng cách lưu giữ hồ sơ		☐ Dấu hiệu trên tường	☐ Nhận dạng lô hàng				Phụ lục III 3.b.(i) của quy định

						2018/848
	☐Phân biệt đối xử với màu sắc gói khác nhau	☐ Dấu hiệu trên sàn	☐ Other			
	Hiệu quả của các biện pháp trên có được theo dõi và ghi lại không?	☐Có ☐không				

13	**Vận tải của sản phẩm cuối cùng**								**phòng cấp cứu**	**AR**	**Ghi chú**
13.1	Sản phẩm được vận chuyển:	☐Vận chuyển nội bộ đến đơn vị xử lý thuộc sở hữu, ☐Người mua, ☐N/A, đơn vị xử lý ở cùng địa điểm									Điều 23; 38 (c) quy định 2018/848
13.2	Sản phẩm được người mua vận chuyển	☐Luôn luôn | ☐Không bao giờ | ☐Thỉnh thoảng | ☐Không áp dụng *(Nếu **luôn như vậy** thì bỏ qua câu hỏi 7 .2- 7 . 4 & 7.9)*									
13.3	Phương tiện vận chuyển các sản phẩm hữu cơ,										
	☐Xe nông trại	☐Xe mở	☐xe tải kín	☐Thùng đựng hàng	☐Toa xe lửa	☐Tàu	☐Máy bay	☐ Other			
13,4	Các phương tiện trên có được sử dụng để vận chuyển cây trồng phi hữu cơ không?							☐Có ☐không			
13,5	Các sản phẩm hữu cơ có được vận chuyển cùng với các sản phẩm phi hữu cơ không?							☐Có ☐không			
13.6	Vận chuyển sản phẩm hữu cơ vào	☐nhỏ |☐ Túi lớn |☐ Thùng | ☐ Thùng/hộp | ☐Thùng chứa |☐ Other									
13 .7	**Các tài liệu được tổ chức đánh giá về việc chấp nhận các sản phẩm hữu cơ,**										Phụ lục III 5 & 1 điều 23 quy định 2018/848
	☐Hóa đơn	☐Giấy chứng nhận từ nhà cung cấp	☐Vận đơn/CMR								
	☐ Biên lai/hóa đơn vận chuyển	☐Giấy chứng nhận giao dịch (TC)	☐ Other								
13,8	**Các chỉ dẫn bắt buộc dưới đây có được đưa vào chứng từ thương mại không?**							☐Có ☐không			Điều 32 & 33 theo quy định 2018/848
Một.	*tên và địa chỉ của nhà cung cấp*							☐Có ☐không			
b.	*tên của sản phẩm kèm theo tham chiếu đến phương pháp sản xuất hữu cơ*							☐Có ☐không			
c.	*mã số Cơ quan Kiểm soát của nhà cung cấp (YY-BIO-XXX)*							☐Có ☐không			
d.	*nếu có liên quan, số lô*							☐Có ☐không			
đ.	*Thông tin trên có được trình bày trong tài liệu đi kèm có thể được liên kết chắc chắn với bao bì, thùng chứa hoặc phương tiện vận chuyển sản phẩm không?*							☐Có ☐không			
13.9	**Các biện pháp phòng ngừa để tránh ô nhiễm ở cấp độ vận chuyển,** *(không áp dụng trong trường hợp nguyên liệu do nhà cung cấp giao)*										Điều 9.5 & 28 của quy định 2018/848
	☐Làm sạch bằng cách lưu giữ hồ sơ	☐ Khoảng cách thời gian	☐ Other								Phụ lục III 3.b.(i) của quy định 2018/848
	Hiệu quả của các biện pháp trên có được theo dõi và ghi lại không?							☐Có ☐không			

1 4	Hệ thống hồ sơ và truy xuất nguồn gốc (hồ sơ phải cho phép truy xuất nguồn gốc sản phẩm ở mọi cấp độ)	phòng cấp cứu	AR	Ghi chú
14.1	Áp dụng cho việc thu gom các nhà sản xuất tảo và rong biển			Điều 34.5 của quy định 2018/848
Một	☐Hồ sơ sản xuất và thu hoạch, *(thông tin tối thiểu: Danh sách loài, ngày bắt đầu, địa điểm, ngày thu hoạch, số lượng thu hoạch, số lô)*			Điều 34.5 của quy định 2018/848
b	☐Bón phân *(thông tin tối thiểu: ngày bón, loại phân bón, lượng phân bón sử dụng)*			Điều 34.5 của quy định 2018/848
14.2	Áp dụng cho việc thu thập tảo hoang dã			Điều 34.5 của quy định 2018/848
Một	☐Lịch sử hoạt động khai thác của từng loài trên các luống đặt tên,			Điều 34.5 của quy định 2018/848
b	☐Ước tính thu hoạch (khối lượng) mỗi mùa,			Điều 34.5 của quy định 2018/848
c	☐Các nguồn gây ô nhiễm có thể xảy ra đối với luống thu hoạch,			Điều 34.5 của quy định 2018/848
d	☐Năng suất bền vững hàng năm trên mỗi luống.			Điều 34.5 của quy định 2018/848
14.3	☐Biên bản vận chuyển và biên nhận nguyên vật liệu			Điều 34.5 của quy định 2018/848
14.4	☐Tìm nguồn nguyên liệu – Tiếp nhận sản phẩm hữu cơ *(thông tin tối thiểu: Ngày tháng, sản phẩm, số lượng, nhà cung cấp, số hóa đơn)*			Điều 34.5 của quy định 2018/848
14,5	☐Bảo quản nguyên liệu			Điều 34.5 của quy định 2018/848
14.6	☐Bảo quản tảo/rong biển đã thu hoạch/thu hái			Điều 34.5 của quy định 2018/848
14,7	☐Hồ sơ vận chuyển và biên nhận sản phẩm cuối cùng			Điều 34.5 của quy định 2018/848
14.8	☐Hóa đơn nguyên vật liệu, bản sao giấy chứng nhận từ nhà cung cấp			Điều 34.5 của quy định 2018/848
14.9	☐Hồ sơ bán hàng *(bao gồm hóa đơn và chứng chỉ người mua cũng như doanh số bán hàng tại địa phương và doanh số bán hàng không tự nhiên)*			Điều 34.5 của quy định 2018/848
14.10	☐Hồ sơ vệ sinh *(phân biệt đối xử đối với việc vệ sinh kho; cơ sở vật chất; máy móc; thiết bị/dụng cụ; phương tiện vận chuyển, v.v.)*			Điều 34.5 của quy định 2018/848
14.11	☐Hồ sơ liên quan đến hoạt động thầu phụ *(hoạt động do người khác cung cấp hoặc do công ty cung cấp cho người khác)*			Điều 34.5 của quy định 2018/848
14.12	☐ Other			Điều 34.5 của quy định 2018/848
14.13	Những hồ sơ trên được lưu giữ bằng ngôn ngữ nào? *(Ví dụ: tiếng Anh, tiếng Ả Rập, tiếng Trung, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tiếng Nga, tiếng Ukraina, v.v.)*			
14.14	Hồ sơ có được lưu giữ ít nhất 5 năm không? ☐Có ☐không			

aCert
European Organization for Certification

15	Tài liệu hỗ trợ	
☐Giấy phép hoạt động	☐Kế hoạch quản lý bền vững	☐Báo cáo phân tích nước
☐Đăng ký thuế	☐Sự đánh giá môi trường	☐Báo cáo phòng thí nghiệm mẫu nội bộ
☐CMND/Hộ chiếu	☐Sơ đồ nguyên lý	☐(Các) thỏa thuận thầu phụ
☐Sơ đồ sản phẩm và tài chính *(chỉ khi khác)*	☐Sơ đồ mô tả	☐Giấy chứng nhận nhà cung cấp
☐Sơ đồ/bố trí cơ sở	☐ Ghi lại các biểu mẫu	☐ Other
☐Bản đồ vệ tinh của các cơ sở *(bao gồm cả tọa độ)*	☐ Hệ thống truy xuất nguồn gốc/Hệ thống đánh số lô	☐ Other
☐ Ảnh/video	☐ Nhập hóa đơn và/hoặc biên lai	☐ Other

TÔI TUYÊN BỐ VÀ CAM KẾT:

a) thực hiện các hoạt động phù hợp với các quy tắc sản xuất hữu cơ;
b) chấp nhận, trong trường hợp có vi phạm hoặc vi phạm, việc thực thi các biện pháp về quy tắc sản xuất hữu cơ;
c) cam kết thông báo bằng văn bản cho người mua sản phẩm để đảm bảo rằng các chỉ dẫn đề cập đến phương pháp sản xuất hữu cơ được loại bỏ khỏi quá trình sản xuất này;
d) chấp nhận, trong trường hợp hoạt động của tôi và/hoặc các nhà thầu phụ trong hoạt động của tôi được kiểm tra bởi các cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát khác nhau theo hệ thống kiểm soát do A CERT thiết lập, việc trao đổi thông tin giữa các cơ quan hoặc cơ quan đó;
e) chấp nhận, trong trường hợp hoạt động của tôi và/hoặc các nhà thầu phụ trong hoạt động của tôi thay đổi cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát của chúng tôi, việc chuyển các hồ sơ kiểm soát của họ đến cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát tiếp theo;
f) chấp nhận, trong trường hợp hoạt động của tôi rút khỏi hệ thống kiểm soát, phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền địa phương có liên quan, theo các quy định được quy định tại Nước thứ ba liên quan;
g) chấp nhận, trong trường hợp hoạt động của tôi rút khỏi hệ thống kiểm soát, hồ sơ kiểm soát được lưu giữ trong thời gian ít nhất là năm năm;
h) chấp nhận thông báo ngay cho A CERT và cơ quan hoặc cơ quan kiểm soát có liên quan hoặc cơ quan hoặc các cơ quan kiểm soát về bất kỳ hành vi bất thường hoặc vi phạm nào ảnh hưởng đến trạng thái hữu cơ của sản phẩm của tôi hoặc sản phẩm hữu cơ nhận được từ nhà điều hành hoặc nhà thầu phụ khác.

Tôi long trọng tuyên bố rằng tất cả thông tin được gửi tới A CERT SA cùng với đơn đăng ký của tôi là đúng sự thật và chính xác. Tôi đã nhận được và hoàn toàn chấp nhận Quy định chứng nhận cũng như các điều khoản được nêu tại "Quy định 2018/848" cũng như các sửa đổi của nó. Tôi sẽ tuân thủ đầy đủ các điều khoản được nêu trong "Quy định 2018/848" và tôi có nghĩa vụ thông báo ngay cho CERT bất cứ khi nào có bất kỳ biện pháp nào được mô tả trong biểu mẫu hiện tại được sửa đổi.

Ngày	Tên họ	Chữ ký

Owner or legal representative

aCert
European Organization for Certification

Được điền bởi A CERT

PHỤ LỤC I

(sẽ được điền trong quá trình kiểm tra)

A. CHẤP NHẬN ĐOÀN VÀ TUYÊN BỐ CỦA INDEPENDENCETHANH TRA VIÊN

Đoàn kiểm tra			
Thanh tra trưởng		Mã số	
Thanh tra 1		Mã số	
Thanh tra 2		Mã số	
Thanh tra 3		Mã số	

Công ty kiểm định			
Tên công ty		Mã số	
Có mặt trong quá trình kiểm tra	☐ Chủ sở hữu công ty ☐ Đại diện pháp lý		

(Các) ngày kiểm tra		
Thời gian kiểm tra	Bắt đầu :	Hoàn thành :

A1. CHẤP NHẬN ĐOÀN KIỂM TRA BỞI HOẠT ĐỘNG VÀ TUYÊN BỐ ĐỘC LẬP

Các ký tên dưới đây ☐ Người sở hữu /☐ Người đại diện hợp pháp của hoạt động trên , tôi xin cam đoan rằng:

1. Tôi chấp nhận việc kiểm tra hoạt động nêu trên vào những ngày được ghi ở trên.
2. Tôi chấp nhận vô điều kiện thành phần của Nhóm Kiểm toán.
3. Không ai trong Nhóm Kiểm toán có bất kỳ mối quan hệ chuyên môn nào với hoạt động của tôi trong hai năm qua.

Ngày: / /

Ngày:	

Người ký tên dưới

(Tên và chữ ký)

A2. CHẤP NHẬN KIỂM TRA PHÂN CÔNG VÀ KÊ KHAI INDEPENDENCECỦA ĐOÀN KIỂM TOÁN

1. Tôi chấp nhận việc kiểm tra hoạt động nêu trên vào ngày được đề cập ở trên vì nó đã được bộ phận chứng nhận của Tổ chức lên kế hoạch và giao cho tôi.
2. Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, tuyên bố rằng trong hai năm qua, chúng tôi không có bất kỳ mối quan hệ chuyên môn nào với hoạt động nêu trên. Chúng tôi biết và chấp nhận các điều khoản của Tiêu chuẩn hữu cơ ACERT và Tiêu chuẩn ISO/IEC 17065.

Thanh tra trưởng

(Tên, Họ & Chữ Ký)

Thanh tra 1

(Tên, Họ & Chữ Ký)

Thanh tra 2

(Tên, Họ & Chữ Ký)

Thanh tra 3

(Tên, Họ & Chữ Ký)

aCert
European Organization for Certification

PHỤ LỤC II

(sẽ được điền trong quá trình kiểm tra)

☐ **Kiểm Tra Ban Đầu -** ☐**Giám Sát Kiểm Tra** ☐**Kiểm tra bổ sung**	☐ **Kiểm tra thể chất đầy đủ** ☐**Kiểm tra thực tế không đầy đủ:**	☐ **Đã công bố** ☐ **không báo trước**	☐ Other

Tóm tắt cuộc kiểm tra bao gồm các phát hiện và nhận xét hữu ích khác. Hơn nữa, tóm tắt hệ thống sản xuất và chuỗi cung ứng.

Bảng 1: Sản phẩm thu hoạch/ thu gom về bảo quản

Sản phẩm	Số lượng (tấn)	Trạng thái	Đã lưu trữ vị trí	Bình luận
		☐Hữu cơ – ☐Đang chuyển đổi – ☐Thông thường		
		☐Hữu cơ – ☐Đang chuyển đổi – ☐Thông thường		

Bảng 2: Bón phân

Sản phẩm	Số lượng sử dụng (kg)	Chất	Giống loài	Bình luận

Bảng 3: Dữ liệu đầu vào được lưu trữ

Sản phẩm	Số lượng (tấn)	Chất	Đã lưu trữ vị trí	Bình luận

Kết quả tính toán rủi ro	

Ngày kiểm tra	Tên họ	Chữ ký: